

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 6 - 2020

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2020, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Ánh N, sinh năm 1967 (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã N, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2020, nguyên đơn là bà Huỳnh Ánh N trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 1984 bà (Huỳnh Ánh N) và ông Nguyễn Văn T xác lập quan hệ vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, ông T thường xuyên ăn nhậu, chửi mắng bà và không lo làm ăn. Vợ chồng thường xuyên cự cãi, mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều

lần nhưng không thành. Bà và ông T không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm dành cho ông Tiến không còn nên bà cương quyết yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Có 02 người tên là Nguyễn Thị T1 (giới tính nữ), sinh năm 1984 và Nguyễn Hữu P (giới tính nam), sinh năm 1989. Hiện các con chung đều đã trưởng thành, lập gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, không cung cấp lời khai chứng cứ để Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Ánh N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Huỳnh Ánh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn T vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bà Huỳnh Ánh N và ông Nguyễn Văn T.

[2]. Xét về hôn nhân: Bà Huỳnh Ánh N và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1984 đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hôn nhân của bà N, ông T được công nhận là hôn nhân thực tế, bà N và ông T được công nhận là vợ chồng.

Về mâu thuẫn: Bà N cho rằng Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, ông T thường xuyên ăn nhậu, chửi mắng bà và không lo làm ăn. Vợ chồng thường xuyên cự cãi, mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Bà và ông T không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm dành cho ông T không còn nên bà N cương quyết yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn T. Ông T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ để Tòa án xem xét. Qua đó cho thấy, ông T không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do hôn nhân giữa bà N và ông T đã trong tình trạng trầm trọng, bà N cương quyết yêu cầu ly hôn nên có căn cứ để chấp nhận theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Bà Huỳnh Ánh N xác định bà và ông Nguyễn Văn T có 02 người con chung tên là Nguyễn Thị T1 (giới tính nữ), sinh năm 1984 và Nguyễn Hữu P (giới tính nam), sinh năm 1989. Hiện các con chung đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng, bà Nguyệt không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Ánh N yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Bà Huỳnh Ánh N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Huỳnh Ánh N phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Huỳnh Ánh N ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Ánh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Huỳnh Ánh N đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019868 ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyên thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân
(khi án có hiệu lực);
- UBND xã Nguyễn Việt Khái, Phú Tân, CM
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước